Bảng số W1 — MORA Tech 1.2

Chiều cao chữ hoa H	**100**	đơn vị lưới
Độ dày nét	**21**	đều cho mọi chữ, đầu nét cắt vuông
M	**rộng 100**	đỉnh phẳng; V trong xuống ~69; đít V cắt phẳng rộng 19,4 (= đỉnh A lộn ngược), chạm baseline
O	**rộng 100, nhô 3**	tròn hoàn hảo, bán kính tim nét 42,5
R	**rộng 76**	bụng cao 56, bán kính ngoài 28; chân thẳng, dừng trước baseline 6
A	**rộng 102**	đỉnh cắt phẳng; gạch ngang ở 30, từ 26% đến 74% bề rộng
Khoảng cách chữ	**15,8**	ô chữ 15,8 (R–A 16,8 vì chân R chìa); khe nhìn thấy M–O 12,9, O–R 12,9, R–A 9,1 — mức 75
Tổng chiều rộng wordmark	**426,4**	tỷ lệ 4,26 : 1 (ink 425,9)
Symbol trong lockup	**1,7 H**	đáy khung trên baseline; cách wordmark 0,28 H
Khoảng trống	**H**	mỗi phía
Cỡ tối thiểu	**24 px**	H = 24 px; dưới 32 px chỉ dùng symbol